TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HSST
Ngày 21 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 và 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/HSST, ngày 29 tháng 01 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Chí D, sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT: Đội A, thôn Q, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông Nguyễn Văn Q và bà Đào Thị K; Vợ: Lê Thanh V; Con có 02 người, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án: Chưa; Tiền sự: Chưa; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 12 năm 2018 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh, sinh năm 1992 (đã chết).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Mỹ Nhân:

1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1961 (cha ruột bị hại).

2. Bà Đinh Thị Bé N, sinh năm 1960 (mẹ ruột bị hại).

Cùng chỉ: Ấp B, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G và bà Đinh Thị Bé , theo giấy ủy quyền lập ngày 24/12/2018: Chị Nguyễn Thị Sầu R, sinh năm 1981 (chị ruột bị hại - có mặt).

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí D: Ông Huỳnh Phương Đông - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 08 tháng 12 năm 2018, bị cáo D điều khiển xe mô tô số đăng ký 69F5-7991 kéo theo xe tự chế hai bánh có chiều dài 3.5m, rộng 0.73m, trên xe chở theo 14 tấm tôn bằng kim loại xếp chồng lên nhau có chiều dài 9.5m, chiều rộng 1m đi từ ấp B, xã L, thành phố C đến thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày thì bị cáo D điều khiển xe chở tôn đến đoạn lộ trước nhà của anh Đỗ Công C (là người thuê bị cáo D chở tôn) thuộc khóm D, thị trấn C, huyện P. Bị cáo D dừng xe lại tháo xe mô tô ra khỏi xe tự chế. Sau đó bị cáo D kéo một đầu tôn trên xe tự chế vào khoảng đất trống cặp nhà anh C đang xây cất, một đầu tôn còn lại thì nằm trên lộ cách lề đường 2,7m (tính từ lề lộ bên phải) nhưng không có đặt đèn báo hiệu, không có cử người cảnh giới. Sau khi đậu xe xong bị cáo D điện thoại cho anh C đến nhận tôn, bị cáo D và anh C cùng khiêng tôn xếp xuống bãi được 07 tấm, khi đang khiêng tấm thứ 08 thì lúc này có chị Nguyễn Thị Mỹ Nh điều khiển xe mô tô số đăng ký 95D1-219.24 đi từ hướng nhà hàng Hồng Nhiên theo chiều ngược lại với xe của bị cáo D đậu. Do đầu tôn lấn ra hơn ½ mặt lộ, không có đèn báo hiệu, không có người cảnh giới, nên chị Nh điều khiển xe va chạm vào đầu tôn làm chị Nh té xuống đường dẫn đến tử vong. Qua điều tra, bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 28/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo Nguyễn Chí D về tội "*Cản trở giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 261 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 34/TT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Cà Mau kết luận đối với tử thi Nguyễn Thị Mỹ Nh: Các tổn thương chính: 01 vết xưng nề thái dương - đỉnh - chẩm trái, kích thước 05cm x 03cm; Bầm tụ máu cơ thái dương - chẩm trái, kích thước 10cm x 06cm; Nứt sọ thái dương - chẩm trái, kích thước 2,5cm; Hai bán cầu não phù; Xuất huyết dưới nhện lan tỏa hai bán cầu não; Tụ máu quanh cầu não. Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não nặng.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí D phạm tội "*Cản trở giao thông đường bộ*". Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 261; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo D đã bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn G và bà Đinh Thị Bé N được 40.000.000 đồng nay đối trừ, áp dụng các Điều 584, 585, 591 của Bộ luật dân sự ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường phần còn lại là 51.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Qua điều tra đã làm rõ nên đã giao trả cho đại diện bị hại và chủ sở hữu, nay không đặt ra xử lý.

Bị cáo D, ông Đông, ông G và bà R thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị Sầu R trình bày: phía bị cáo D đã bồi thường được 40.000.000 đồng nay đồng ý đối trừ, yêu cầu được rút lại phần bồi thường về tiền vật tư làm mộ, tiền công thợ làm mộ và tiền mua thực phẩm làm đám tang là 63.500.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần bằng với số tiền nêu trên. Yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo D.

Ông Đông bào chữa cho bị cáo D: Hậu quả xảy ra như trên là bị cáo không mong muốn. Vì hoàn cảnh nghèo khó mà bị cáo thực hiện hành vi là điều khiển xe mô tô có gắn xe 02 bánh tự chế, kéo vật liệu trong tình trạng không an toàn, cản trở giao thông và làm chị Nh tử vong. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại và nay bị có thiện chí tiếp tục bồi thường phần còn lại; bị cáo có người thân có công với cách mạng; gia đình bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; trong quá trình sinh sống chấp hành tốt pháp luật. Nay thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên là đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Kiểm sát viên tại phiên tòa luận tội: Vào ngày 08 tháng 12 năm 2018, bị cáo D có hành vi dừng, đổ tôn để đầu tôn lấn ra hơn ½ mặt lộ, không có đèn báo hiệu, không có người cảnh giới theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Luật giao thông đường bộ làm chị Nguyễn Thị Mỹ Nh điều khiển xe mô tô số đăng ký 95D1-219.24 va chạm vào đầu tôn té xuống đường dẫn đến tử

vong. Khi thực hiện hành vi bị cáo đủ tuổi luật định, nhận thức diễn ra bình thường. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, nay vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi thực hiện, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng, nay bị cáo chấp nhận bồi thường phần còn lại, nhưng hiện tại quá khó khăn về kinh tế. Bị cáo khai nhận cáo trạng Viện kiểm sát tống đạt cho bị cáo và cáo trạng công bố tại phiên tòa là đúng với hành vi thực hiện của bị cáo. Bị truy tố về tội "*Cản trở giao thông đường bộ*" là không oan ức cho bị cáo, thừa nhận có lỗi vì đã vô ý xâm phạm đến tính mạng người khác, xâm phạm pháp luật hình sự. Nay bị cáo đã rất ăn năn hối cải, xin được nhận sự khoan hồng của pháp luật.

Qua đó, xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp với thực tế xảy ra, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo, đại diện bị hại, người làm chứng, phù hợp vật chứng thu giữ, hiện trường, kết luận giám định pháp y về tử thi và tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, lời khai của bị cáo như trên là có căn cứ chấp nhận.

Xét về hành vi bị cáo cho thấy: Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường cùng lập ngày 08/12/2018 xác định: Nơi xảy ra tai nạn, mặt lộ đường Phan Ngọc Hiển đoạn trước nhà của anh Đỗ Công C có chiều rộng là 4,9m. Cố định tại vị trí xe mô tô của chị Nh va chạm vào đầu 06 tấm tôn được đo thẳng vào lề trái tuyến lộ tính theo hướng co quẹo Hồng Nhiên (hướng Bắc) về cầu Kiểm Lâm (hướng Đông) là 2,7m. Như vậy, tính theo tim lộ thì đầu tôn đã lấn chiếm hơn ½ chiều rộng mặt lộ. Khi bị cáo có hành vi dừng xe, đổ tôn thì không có phát đèn báo hiệu, không có người cảnh giới theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 20 của Luật giao thông đường bộ. Việc va chạm vào đầu tôn đã làm chị Nh té xuống đường dẫn đến tử vong. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý, nhưng đã gây thiệt hại tính mạng của chị Nh, hành vi cản trở giao thông của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo đủ tuổi luật định, quá trình hoạt động nhận thức diễn ra bình thường và đủ điều kiện chịu trách nhiệm hình sự.

Qua phân tích và nhận định như trên, luận tội của Kiểm sát viên xác định hành vi của bị cáo D có tội là có cơ sở công nhận và trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo D đã phạm tội "*Cản trở giao thông đường bộ*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 261 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo D là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội danh Điều luật quy định.

Xét về tính chất và mức độ của hành vi cho thấy, ngoài việc cản trở giao thông, xâm phạm đến tính mạng của người khác, bị cáo còn gây ra dư luận xấu trong xã hội, làm cho người tham gia giao thông hoang mang lo sợ, gây mất an ninh và trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Nay cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Từ đó, có điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Qua đó, cũng nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm cho xã hội.

Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường 01 phần thiệt hại; gia đình có công với cách mạng; đại diện bị hai yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s, khoản 1 và khoản 2 của Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Do đó, nay không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo. Phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy Kiểm sát viên đề nghị xử lý về hình phạt đối với bị cáo như nêu trên là phù hợp với tính chất hành vi, hậu quả của bị cáo gây ra, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

Đối với vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự theo quan điểm đề nghị xử lý của Kiểm sát viên như trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm bào chữa và đề nghị xét xử của ông Đông như trên là phù hợp với quan điểm đề nghị xét xử của Kiểm sát viên, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

Đối với trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa, ông G đại diện cho hàng thừa kế thứ nhất của bị hại yêu cầu được rút lại phần bồi thường về tiền vật tư làm mộ, tiền công thợ làm mộ và tiền mua thực phẩm làm đám tang là 63.500.00 đồng. Đồng thời, yêu cầu bổ sung bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần bằng với số tiền mua vật tư, công thợ làm mộ và mua thực phẩm làm đám tang. Việc thay đổi yêu cầu như trên phía bị cáo cũng chấp nhận và đồng ý bồi thường phần còn lại là 51.500.000 đồng. Xét thấy bị cáo D và đại diện cho hàng thừa kế thứ nhất của bị hại thỏa thuận thống nhất mức bồi thường như trên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 591 của Bộ luật dân sự.

Bị cáo D hiện tại làm thuê theo lao động phổ thông, không có nguồn thu nhập thường xuyên ổn định, kinh tế gia đình đang thuộc diện cận nghèo, nay xét miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo là phù hợp thực tế.

Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, nay không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá nghạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí D phạm tội "*Cản trở giao thông đường bộ*".

2. Điều luật áp dụng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 261; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí D 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Chí D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Gia đình bị cáo Nguyễn Chí D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Chí D.

3. Áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Chí D.

4. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 591 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Chí D, ông Nguyễn Văn G và bà Đinh Thị Bé N (hàng thừa kế thứ nhất của bị hại): Bị cáo Nguyễn Chí D tiếp tục bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn G và bà Đinh Thị Bé N số tiền 51.500.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

5.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Miễn án phí đối với bị cáo Nguyễn Chí D.

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn án phí đối với bị cáo Nguyễn Chí D.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Chí D, Ông Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Bà Đinh Thị Bé N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp l

Nơi nhận:
- Phòng KTNV & THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau (khi có hiệu lực);
- Chi cục THADS huyện P (khi có hiệu lực);
- VKSND huyện P;
- CAND huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đời

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 21 tháng 3 năm 2019.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đời.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Trọn.
- Bà Trần Thị Hoài Yên.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên Nguyễn Chí Dũng - sinh năm 1976, tại tỉnh Cà Mau; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp Xẻo Đước, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Căn cứ pháp luật:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Kết quả HĐXX biểu quyết: 3/3.

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Cà Uôl phạm tội "*cố ý làm hư hỏng tài sản*"

Kết quả HĐXX biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Cà Uôl 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo Phạm Cà Uôl chấp hành án;

4. Xử lý vật chứng: đã xử lý xong giai đoạn điều tra truy tố, nay không đặt ra xử lý.

Tịch thu và tiêu hủy 01 cây dao chét chiều dài 37.5cm, bề rộng nhất 08cm, phần cán dao 11cm, đường kính rộng 0.38cm, phần lưỡi dao dài 26.5cm và có bị mẻ ở nhiều vị trí; 02 gương chiếu hậu bị hư hỏng hoàn toàn. Cây dao và 02 gương chiếu hậu, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự đang quản lý.

Kết quả HĐXX biểu quyết: 3/3.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Nguyễn Chí Dũng phải chịu 200.000 nghìn đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả HĐXX biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 05 phút, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**